TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17/8/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Thanh Thu.
- Ông Nguyễn Thế Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Diện, Kiểm sát viên

Ngày 17/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 74/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXX-ST ngày 11/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐXX-ST ngày 27/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H sinh năm 1990; địa chỉ thôn 20, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T sinh năm 1979; địa chỉ thôn 20, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08/6/2017 được bổ sung tại bản tự khai ngày 09/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H kết hôn với anh T vào năm 2008, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 7 năm, từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh T thường xuyên uống rượu, không chịu khó lao động, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và không quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, chị H nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và còn làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị H. Do vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung, vợ chồng có hai con chung là các cháu Đỗ Ánh D sinh ngày 20/02/2011 và cháu Đỗ Đức G sinh ngày 02/01/2015; nếu ly hôn do anh T không có khả năng nuôi con nên chị H xin được nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành, do anh T không có khả năng cấp dưỡng nuôi con, nên

chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị H cam đoan sẽ bảo đảm đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả hai cháu. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2017 bị đơn là anh T trình bày: Anh T và chị H kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 04/01/2008. Sau đó vợ chồng chung sống với nhau không xảy ra mâu thuẫn; do vậy nay chị H có đơn xin ly hôn, anh T không nhất trí.Về con chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Ánh D và cháu Đỗ Đức G, anh T không đồng ý ly hôn nên anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ, vợ chồng anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xử cho chị H được ly hôn với anh T, giao cả hai cháu D và cháu G cho chị H nuôi dưỡng anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H và buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

Chị H khởi kiện xin ly hôn với anh T, theo bản sao sổ hộ khẩu gia đình và đơn xin xác nhận của chị H ngày 11/5/2017 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K thể hiện cả chị H và anh T đều có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và đang sinh sống tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc khởi kiện xin ly hôn của chị H là đúng và Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh T.

Về yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T: Theo chị H và anh T đều khai vợ chồng kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, tại giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã T thể hiện anh T và chị H đã đăng ký kết hôn ngày 04/01/2008, như vậy tại thời điêm kết hôn anh T đã đủ 20 tuổi, còn chị H đã bước sang tuổi 18, theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định về điều kiện kết hôn "… nữ từ 18 tuổi trở lên …" như vậy tại thời điểm kết hôn cả anh T và chị H đều đủ điều

kiện kết hôn; theo quy định tại các Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị H ngày 09/7/2017 chị H trình bày từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh T thường xuyên uống rượu, không chịu khó lao động dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng. Tại đơn cam kết của anh T có nội dung "Tôi Đỗ Văn T hôm nay viết đơn này hứa với tất cả bố mẹ, vợ con, anh em từ nay tôi không uống rượu nữa, nếu tôi tái phạm, tôi hoàn toàn chịu về hành vi của mình lúc đó vợ có quyền tự bỏ" và biên bản xác minh của Tòa án ngày 30/6/2017 thể hiện "… chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn đã lâu, nguyên nhân là do anh T không có công ăn việc làm, lại thường xuyên rượu chè dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn…". Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án cho chị H và anh T ly hôn.

Về con chung: Theo lời khai của chị H và anh T, biên bản xác minh của Tòa án ngày 30/6/2017 và bản sao giấy khai sinh, thì vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung là các cháu Đỗ Ánh D sinh ngày 20/02/2011 và cháu Đỗ Đức G sinh ngày 02/01/2015; nguyện vọng của chị H là được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng vì anh T không có khả năng nuôi con và không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Xét anh T không có công ăn việc làm, bản thân lại thường xuyên rượu chè, cuộc sống phụ thuộc vào chị H, nên việc giao con cho anh T nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho cuộc sống của các cháu. Do vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H giao cả hai cháu D và cháu G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Về tài sản chung: Cả chị H và anh T cùng trình bày vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; các Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1 Về yêu cầu ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Hạt, cho chị Phạm Thị H và anh Đỗ Văn T ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T chấm rứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả hai cháu Đỗ Ánh D sinh ngày 20/02/2011 và cháu Đỗ Đức G sinh ngày 02/01/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu D và cháu G trưởng thành; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của hai cháu D và cháu G được sống chung với chị H và anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc hai cháu D và cháu G; chị H không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc hai cháu D và cháu G.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiến tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001662 ngày 09/6/2017 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện Y*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*